TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuần

Bà Nguyễn Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố Chẽ, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nông Minh Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Tân Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 25-10-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Sơn (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 23-7-2018. Trong quá trình chung sống, chị và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, đặc biệt mâu thuẫn lớn nhất là về tiền bạc, kinh tế, cách nuôi dạy con dẫn đến việc vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã, căng thẳng. Mặc dù chị và anh Đ cũng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn và được gia đình hai bên nhiều lần tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả. Anh Đ đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông ở và sống ly thân với chị từ năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Nông Thiên A, sinh ngày 13-8-2018. Chị nhận nuôi con, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 31-10-2023, bị đơn là anh Nông Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ trình bày thống nhất với chị L về cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cũng đã được hai bên gia đình đã tác động, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2020, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến cuộc sống chung, vì vậy anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung như chị L trình bày. Do con còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2018. Trong quá trình chung sống, chị L và anh Đ thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Từ năm 2020 đến nay, chị L và anh Đ đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Hiện tại, cháu A đang được chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L có công việc ổn định tại Công ty Seething Việt Nam, có địa chỉ tại khu công nghiệp Đồ Sơn và có chỗ ở ổn định cùng với bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Chẽ, phường Hải Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng L đối với anh Nông Minh Đ; giao con chung Nông Thiên A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung; nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng L, cư trú tại: Tổ dân phố Chẽ, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh Đ mặc dù không cư trú tại quận Đồ Sơn nhưng chị L và bị đơn anh Nông Minh Đ thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn thụ lý, giải quyết vụ án. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Sơn (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 23-7-2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong thời gian chung sống, chị L và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Từ năm 2020 đến nay, chị L và anh Đ đã sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả chị L và anh Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là Nông Thiên A, sinh ngày 13-8-2018. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị L và anh Đ sống ly thân, cháu A sống ổn định cùng chị L và được chăm sóc chu đáo; chị L có thu nhập, chỗ ở ổn định, có người thân hỗ trợ, đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con. Chị L và anh Đ đều thống nhất giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, yêu cầu của chị L về việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng L được ly hôn anh Nông Minh Đ.

2. Về con chung:

Giao con chung Nông Thiên A, sinh ngày 13-8-2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004233 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân Nhuần **Nguyễn Thị Ninh** **Bùi Xuân Vinh**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân Nhuần **Lê Thị Mai Hương** **Bùi Xuân Vinh**